

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: Ngữ văn 10

I. CẤU TRÚC, GIỚI HẠN

1. Cấu trúc

- Cấu trúc: 2 phần
- + Phần I: Đọc - hiểu (5 câu, 5.0 điểm)
- + Phần II: Viết (1 câu, 5.0 điểm)
- Thời gian làm bài: 90 phút.
- Hình thức: Tự luận

2. Giới hạn

- Phần I: Đọc - hiểu (5 điểm) – Vẻ đẹp của thơ ca
- + Thể loại: Thơ ca của tác giả Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính (**Thơ mới, văn bản ngoài SGK**)

+ Yêu cầu: 5 câu hỏi Đọc - hiểu theo cấu trúc: 2 câu nhận biết (0.5 điểm/câu), 2 câu thông hiểu (có 01 câu về tiếng Việt, 1.0 điểm/câu), 1 câu vận dụng viết (2.0 điểm - Viết đoạn văn 5 - 7 câu về một vấn đề xã hội gợi ra từ văn bản đọc hiểu).

- Làm văn: Viết văn bản nghị luận (khoảng 500 chữ) phân tích, đánh giá một bài thơ/ một đoạn thơ.

II. MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ MA TRẬN

1. Khung ma trận

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy					
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng	
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ
I	Năng lực Đọc	Văn bản đọc hiểu (Thơ Mới - tác giả Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính).	5	2	10 %	2	20 %	1	20 %
II	Năng lực Viết	Nghị luận văn học (Phân tích, đánh giá một bài thơ/đoạn thơ).	1	12,5%		15%		22,5%	
Tỉ lệ%				22,5%		35%		42,5%	
Tổng			6	100%					

2. Bản đặc tả ma trận

2.1. Thơ ca của tác giả Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính (Thơ mới, văn bản ngoài SGK)

Nhận biết:

- Nhận biết nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, vần, nhịp, nhạc điệu, thể thơ.
- Nhận biết đề tài, nhan đề, chi tiết tiêu biểu, ngôn ngữ, mạch cảm xúc trong thơ trữ tình.
- Nhận biết được nội dung, hình thức trong bài thơ trữ tình.
- Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa được thể hiện trong văn bản thơ.

Thông hiểu:

- Nắm được nội dung chính và lí giải được ý nghĩa, thông điệp của bài thơ.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhan đề, nghệ thuật và lí giải được mối quan hệ giữa các yếu tố này trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của việc lựa chọn ngôn ngữ, hình ảnh, các biện pháp nghệ thuật trong tác phẩm.
- Phân tích, đánh giá được đặc điểm của nhân vật trữ tình và vai trò của ngắt nhịp, gieo vần trong bài thơ.
- Xác định được chủ đề, tư tưởng của tác phẩm; chỉ ra được những căn cứ để xác định chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.
- Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.
- Cảm nhận, giải thích được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật trữ tình.

Vận dụng:

- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.

Vận dụng cao:

- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.
- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.
- Liên hệ để thấy một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm thơ thuộc những nền văn học khác nhau.

2.2. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một đoạn trích/ tác phẩm thơ

Nhận biết:

- Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại, ... của đoạn trích/tác phẩm.
- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.

Thông hiểu:

- Trình bày được những nội dung khái quát của đoạn trích/ tác phẩm văn học.
- Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của đoạn trích/ tác phẩm.
- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.
- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

Vận dụng:

- Nêu được những bài học rút ra từ đoạn trích/ tác phẩm.
- Thể hiện được sự đồng tình/không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong đoạn trích/ tác phẩm).
- Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.

Vận dụng cao:

- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức đoạn trích/ tác phẩm.
- Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.
- Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.

III. ĐỀ MINH HỌA

1. ĐỀ 1

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản:

XUÂN VỀ

Nguyễn Bính¹

*Đã thấy xuân về với gió đông,
Vội trên màu má gái chưa chồng.
Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm
Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong.*

*Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,
Mưa tạnh giời quang, nắng mới hoe.
Lá nỡn, nhành non ai trắng bạc?
Gió về từng trận, gió bay đi...*

*Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,
Lúa thì con gái mượt như nhung
Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.*

*Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,
Tay lần tràng hạt miệng nam vô.*

(Trích “*Thi nhân Việt Nam*”, Hoài Thanh – Hoài Chân, NXB Văn học, tái bản 2022)

Trả lời các câu hỏi sau:

¹ Nguyễn Bính (1918 -1966) là nhà thơ lãng mạn, tiêu biểu của nền thơ Việt Nam hiện đại. Thơ của ông đem đến cho người đọc những hình ảnh thân thương của quê hương đất nước và tình người đậm chất “chân quê”.

Câu 1. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

Câu 2. Chỉ ra các dấu hiệu cho thấy mùa xuân về ở khổ 1.

Câu 3. Phân tích giá trị biểu đạt của phép tu từ so sánh trong câu thơ “*Lúa thì con gái mượt như nhung*”.

Câu 4. Nêu ý nghĩa nhan đề của bài thơ?

Câu 5. Bài thơ gợi cho anh /chị suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa con người với quê hương ?
(Viết đoạn văn từ 5 đến 7 câu).

II. VIẾT (5,0 điểm)

Viết bài văn (khoảng 500 chữ) phân tích vẻ đẹp của từ ngữ, hình ảnh thơ và các biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ sau:

*Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,
Lúa thì con gái mượt như nhung
Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.
-----Hết-----*

2. Đề 2

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ¹?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền².*

*Gió theo lối gió, mây đường mây,
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay...
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó,
Có chở trăng về kịp tối nay?*

(Trích “*Đây thôn Vĩ Dạ*”, Hàn Mặc Tử - Tác phẩm chọn lọc,
NXB Giáo dục, 2009, tr.60-61)

Chú thích:

1. *Thôn Vĩ*: thôn Vĩ Dạ, một thôn ở bờ nam sông Hương, nay thuộc phường Vĩ Dạ, thành phố Huế.
2. *Mặt chữ điền*: gương mặt vuông, gần như chữ *điền* trong tiếng Hán. Theo nhân tướng học thời xưa, mặt chữ điền thường chỉ tướng người phúc hậu.
3. “*Đây thôn Vĩ Dạ*”: bài thơ được sáng tác vào năm 1938, trích trong tập *Thơ điên* (còn có tên là *Đau thương*). Theo nhiều nguồn thông tin, bài thơ được gợi cảm hứng từ tấm bưu thiếp của một cô gái Huế gửi cho Hàn Mặc Tử khi ông được cách li để chữa bệnh phong ở Quy Nhơn.

Thực hiện các yêu cầu

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Vẻ đẹp của thiên nhiên thôn Vĩ hiện ra qua những hình ảnh nào trong khổ 1?

Câu 3. Tìm một biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau và nêu tác dụng:

*Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay.*

Câu 4. Nhận xét hình ảnh con người trong câu thơ: “*Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*”

Câu 5. Từ đoạn trích, viết đoạn văn khoảng 7 – 10 câu trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của tình thân lạc quan trong cuộc sống.

II. VIẾT (5.0 điểm)

Viết bài văn (khoảng 500 chữ) phân tích vẻ đẹp của từ ngữ, hình ảnh thơ và các biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ sau:

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ¹?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền².*
(Trích “*Đây thôn Vĩ Dạ*”³, Hàn Mặc Tử - Tác phẩm chọn lọc,
NXB Giáo dục, 2009, tr.60-61)

-----Hết-----

Phường 1 Bảo Lộc ngày 20 tháng 10 năm 2025

*** Nhóm Văn 10**

Tổ trưởng



Nguyễn Thị Bảo Thúy